

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUYÊN HÓA  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03-02-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:*** Bà Đoàn Thị Bích Thuỷ

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Trần Xuân Thuận

2. Bà Hoàng Thị Thanh

***Thư ký phiên toà:*** Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Bình

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Bình Huyện H- Tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên toà số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị Th - Sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn G - xã H - Huyện H- tỉnh Quảng Bình (có mặt)

***2. Bị đơn:*** Anh Nguyễn Đình B - Sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn S, xã H, Huyện H – Tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 12/10/2020, bản tự khai ngày 10/12/2020 và tại phiên toà nguyên đơn chị Trần Thị Th trình bày: Chị và anh Nguyễn Đình B tìm hiểu yêu nhau và kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại uỷ ban nhân dân xã H ngày 24/02/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống với nhau và làm ăn tại tỉnh Bình Dương, trong quá trình chung sống với nhau cho đến tháng 8 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Giữa vợ chồng không hoà hợp, không cùng quan điểm sống, thiếu tin tưởng lẫn nhau nên xảy ra mâu thuẫn và

ngày càng trầm trọng. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Hai bên không liên lạc với nhau và cũng không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau từ đó đến nay. Hiện tại theo chị Th biết thì anh B đang làm việc tại tỉnh Lâm Đồng, nhưng hộ khẩu thường trú vẫn ở tại xã H, huyện H. Còn chị Th vẫn ở tại nhà ngoại thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Bình. Hiện nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Bắc thực sự không còn, vì thời gian sống ly thân đã lâu nên chị Th có nguyện vọng xin được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung của vợ chồng: Có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Khánh A, sinh ngày 09/5/2017, hiện đang ở cùng chị Th tại thôn Đồng G, xã Đồng H, Huyện TH- QB. Nguyên vọng của chị Th xin được trực tiếp nuôi con và có yêu cầu anh Nguyễn Đình B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) đến lúc con trưởng thành. Hiện tại chị Th đang làm công nhân tại Đà Nẵng, thu nhập bình quân mỗi tháng 8 triệu đồng.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có nên chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án nhân dân huyện H sau khi thụ lý vụ án đã triệu tập các đương sự đến tại trụ sở Toà án để lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng đã bị rạn nứt để trở về đoàn tụ nhưng chỉ có mặt nguyên đơn chị Trần Thị Th, vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Đình B. Vì vậy, Toà án không thể tiến hành việc hoà giải cho các đương sự theo thủ tục được.

Ngày 04/01/2021 Toà án nhân dân huyện H đã trực tiếp đến tại Ủy ban nhân dân xã H và tiến hành xác minh tại nhà bà Phạm Thị Tạo là mẹ đẻ anh Nguyễn Đình B; trú tại thôn S, xã H về quan hệ hôn nhân của anh Nguyễn Đình B và chị Trần Thị Th thì được biết: Anh Nguyễn Đình B và chị Trần Thị Th trước đây cùng đi miền Nam làm ăn và gặp gỡ nhau rồi cùng yêu nhau. Sau đó trở về địa phương kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/02/2015 tại Ủy ban nhân dân xã H và có tổ chức lễ cưới cả hai bên gia đình. Vợ chồng sống chung với gia đình nội tại thôn S, xã H được khoảng 6 tháng thì vợ chồng cùng trở lại miền Nam làm ăn. Thời gian vợ chồng ở với nhau tại gia đình nội tình cảm vợ chồng đầm ấm, hạnh phúc. Sau khi vợ chồng vào lại miền Nam thì cuộc sống và tình cảm vợ chồng như thế nào gia đình không nắm rõ. Mặc dù anh B có điện thoại về cho gia đình nhưng không nói cho gia đình biết mâu thuẫn vợ chồng như thế nào và tình trạng vợ chồng ra sao. Tuy nhiên hiện tại 2 vợ chồng anh B, chị Th đã sống ly thân mỗi người một nơi. Chị Th hiện tại đi làm ăn ở Đà Nẵng còn anh Bắc vẫn ở tỉnh Bình Dương. Tình cảm vợ chồng thực sự không còn, hai bên không quan tâm lẫn nhau. Thỉnh thoảng chị Thuỷ vẫn đến gia đình nội mỗi khi trong nhà có việc, nhưng sau đó chị Th lại đi chứ không ở lại với gia đình. Hiện nay chị Th có nguyện vọng xin được ly hôn với anh B thì tùy thuộc vào yêu cầu của chị Th, gia đình không có ý kiến gì.

Về con chung của vợ chồng: Anh Nguyễn Đình B và chị Trần Thị Th có 01 con chung là Nguyễn Trần Khánh A, sinh ngày 09/5/2017, hiện nay cháu đang ở với chị

Th và gia đình ngoại, gia đình không có ý kiến gì, đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật.

Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Không có, nên gia đình không có ý kiến gì.

Sau khi xác minh về tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh Nguyễn Đình B và chị Trần Thị Th, Toà án nhân dân huyện H đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và niêm yết các văn bản tố tụng tại UBND xã H nơi cư trú của anh Nguyễn Đình B theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà anh Nguyễn Đình B vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Chị Trần Thị Th có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Trần Đình B vì tình cảm vợ chồng thực sự không còn, vợ chồng ly thân đã lâu nên không thể trở lại đoàn tụ.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán đã tuân thủ các qui định của pháp luật. Tại phiên toà Hội đồng xét xử gồm một Thẩm phán và hai Hội thẩm nhân dân đã tiến hành hỏi đúng thứ tự và nguyên tắc theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình. Về phía các đương sự, nguyên đơn chị Trần Thị Th có mặt, chấp hành pháp luật, hợp tác với Toà án. Bị đơn anh Nguyễn Đình B trong suốt quá trình giải quyết vụ án vắng mặt, tại phiên toà vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Toà án niêm yết giấy triệu tập đến lần thứ hai. Bị đơn không chấp hành pháp luật, thiếu sự hợp tác với Toà án. Kiểm sát viên đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân : Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn của chị Trần Thị Th, xử cho chị Trần thị Th được ly hôn vắng mặt anh Nguyễn Đình B.

Về con chung của vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 và điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Nguyễn Trần Khánh A, sinh ngày 09/5/2017 cho chị Trần Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Áp dụng Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình, buộc anh Nguyễn Đình B có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) kể từ tháng 02 năm 2021 đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng: Không có, nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Th phải chịu 300.000đồng theo qui định của pháp luật.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Đình B phải chịu 300.000đồng theo qui định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định: Chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Đình B kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, nơi có hộ khẩu thường trú của vợ chồng nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng đầm ấm hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian ngắn khoảng được 06 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thiếu sự thông cảm và chia sẻ trách nhiệm với nhau trong cuộc sống. Giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất hoà lẫn nhau, khi mâu thuẫn xảy ra không biết cách khắc phục mà để mặc cho tình trạng vợ chồng ngày càng trầm trọng và kéo dài. Vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Hai bên không còn qua lại và quan tâm đến nhau nữa.

Quá trình Toà án giải quyết vụ án anh Nguyễn Đình B không đến Toà án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, thiếu sự hợp tác với Toà án nên Toà án không thể tiến hành hoà giải để vợ chồng trở về đoàn tụ. Tại phiên toà hôm nay chị Trần Thị Th vẫn có nguyện vọng tha thiết xin được ly hôn với anh Nguyễn Đình B vì mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm không khắc phục được. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau, tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên không thể trở lại đoàn tụ. Kết quả xác minh tại gia đình anh Nguyễn Đình B cũng đã khẳng định cuộc hôn nhân của chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Đình B thực tế đã rạn nứt về tình cảm và kéo dài đã nhiều năm, hai bên không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống nên không hạnh phúc.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình bền vững hạnh phúc không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân, hai bên bỏ mặc không quan tâm đến nhau. Tình cảm vợ chồng hiện tại thực sự không còn. Nếu duy trì cuộc hôn nhân này sẽ không có lợi cho cả hai phía. Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị Trần Thị Th là chính đáng. Vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận và áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xử cho chị Trần Thị Th được ly hôn vắng mặt anh Nguyễn Đình B là phù hợp.

[2] Về con chung của vợ chồng: Theo lời trình bày của chị Trần Thị Th và qua xác minh tại gia đình anh Nguyễn Đình B, vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trần Khánh A, sinh ngày 09/5/2017, hiện nay đang ở với chị Th và gia đình ngoại. Quá trình giải quyết chị Th có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con và có yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) đến khi con trưởng thành. Xét thấy nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con của chị Th là hoàn toàn chính đáng, hiện tại cháu Nguyễn Trần Khánh A còn nhỏ, cần sự nuôi dưỡng, chăm sóc của người mẹ. Mặt khác cháu đã có cuộc sống ổn định cùng mẹ tại gia đình ngoại. Vì vậy cần chấp nhận nguyện vọng của chị Trần Thị Th giao cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng con là Nguyễn Trần Khánh A. Áp dụng Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình buộc anh Nguyễn Đình B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi

tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) đến lúc con Nguyễn Trần Khánh A trưởng thành là phù hợp.

[3] Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng: Chị Trần Thị Th không có yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Th đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T H theo biên lai số 0007946 ngày 23 tháng 10 năm 2020 nay phải chịu toàn bộ khoản án phí.

[5] Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Đình B phải chịu 300.000đ theo qui định của pháp luật.

Từ những căn cứ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xử: Chị Trần Thị Th được ly hôn vắng mặt anh Nguyễn Đình B.

2. Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình xử: Giao cho chị Trần Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con là Nguyễn Trần Khánh A, sinh ngày 09/5/2017. Áp dụng Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình buộc anh Nguyễn Đình B có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) kể từ tháng 02 năm 2021 đến khi cháu Nguyễn Trần Khánh A đủ 18 tuổi.

Không ai được ngăn cản việc đi lại, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, khi cần thiết vì lợi ích của con, một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng: Chị Trần Thị Th không yêu cầu Toà án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Th đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên lai số 0007946 ngày 23 tháng 10 năm 2020 nay phải chịu toàn bộ và được khấu trừ hết số tiền trên. Vậy chị Trần Thị Th đã nộp đủ án phí.

5. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Đình B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tuyên bố nguyên đơn chị Trần Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử (ngày 03/02/2021). Đối với bị đơn anh Nguyễn Đình B có quyền kháng cáo kể từ

ngày nhận được bản sao bản án, hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã H, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Nguyễn Đình B.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh QB;
- VKSND huyện TH;
- Chi cục THADS huyện TH;
- Đường sự;
- UBND xã ĐH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Đã ký***

**Đoàn Thị Bích Thủy**

